



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I MÔN ĐỊA LÍ 12 NĂM 2021 - 2022

A. Lí Thuyết

THIÊN NHIÊN PHÂN HOÁ ĐA DẠNG

1. Thiên nhiên phân hóa theo Bắc Nam:

a. Phần lãnh thổ phía Bắc:

- Giới hạn: Từ dãy Bạch Mã trở ra Bắc.

- Thiên nhiên: Đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

- Khí hậu:

+ Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C .

+ Có mùa đông lạnh 2 - 3 tháng với nhiệt độ $< 18^{\circ}\text{C}$ (Đồng bằng Bắc Bộ và vùng núi phía Bắc).

+ Về phía Nam, gió mùa Đông Bắc yếu dần, số tháng lạnh giảm dần.

+ Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn

+ Thiên nhiên phân thành 2 mùa là mùa đông: trời nhiều mây, lạnh, mưa ít, nhiều cây rụng lá và mùa hạ: trời nắng nóng, mưa nhiều, cây cối xanh tốt.

- Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu: Đới rừng nhiệt đới gió mùa.

+ Thành phần sinh vật: Loài nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra còn có cây cận nhiệt, ôn đới, thú lông dầy; mùa đông trồng được rau ôn đới

b. Phần lãnh thổ phía Nam:

- Giới hạn: Từ dãy Bạch Mã trở vào Nam.

- Thiên nhiên mang sắc thái của khí hậu cận xích đạo gió mùa.

- Khí hậu:

+ Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C . Nóng đều quanh năm, không có tháng nào dưới 20°C

+ Không có mùa đông lạnh.

+ Biên độ nhiệt năm nhỏ

+ Phân thành 2 mùa là mưa và khô.

- Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu: Đới rừng cận xích đạo gió mùa.



+ Thành phần sinh vật mang đặc trưng vùng xích đạo và nhiệt đới phía Nam lên hoặc phía Tây sang. Trong rừng có nhiều loài cây chịu hạn, rụng lá mùa khô. Tây Nguyên có rừng thưa nhiệt đới khô điển hình. Động vật tiêu biểu là các loài thú lớn, động vật đầm lầy

2. Thiên nhiên phân hoá theo Đông - Tây:

Từ Đông sang Tây, từ biển vào đất liền, thiên nhiên nước ta phân hóa thành 3 dải rõ rệt

a. Vùng biển và thềm lục địa:

- Độ nông, sâu, rộng hẹp của thềm lục địa có quan hệ chặt chẽ với vùng đồng bằng, vùng đồi núi kề bên và có sự thay đổi theo từng đoạn ở biển.

+ Thềm lục địa phía Bắc, Nam: Đáy nông, mở rộng có nhiều đảo ven bờ.

+ Thềm lục địa Trung Bộ: thu hẹp tiếp giáp vùng biển nước sâu.

- Thiên nhiên vùng biển nước ta đa dạng và giàu có, tiêu biểu cho thiên nhiên vùng biển nhiệt đới gió mùa

b. Vùng đồng bằng ven biển:

- Thiên nhiên thay đổi tùy nơi, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ với dải đồi núi phía Tây và vùng biển phía Đông.

+ ĐB Bắc Bộ, Nam Bộ: Mở rộng, bãi triều thấp, phẳng, thềm lục địa nông, rộng, thiên nhiên trù phú, xanh tươi, thay đổi theo mùa

+ ĐB ven biển Trung Bộ: Hẹp ngang bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ, đường bờ biển khúc khuỷu với thềm lục địa thu hẹp, tiếp giáp các vùng biển sâu; các dạng địa hình xen kẽ nhau, các cồn cát, đầm phá khá phổ biến; thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai kém màu mỡ nhưng giàu tiềm năng du lịch, phát triển kinh tế biển.

c. Vùng đồi núi:

- Sự phân hóa Đông – Tây ở vùng đồi núi rất phức tạp, chủ yếu do tác động của gió mùa với hướng các dãy núi

- Có sự phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc, giữa Đông và Tây Trường Sơn do tác động của gió mùa với hướng các dãy núi:

+ Khác biệt giữa Đông Bắc và Tây Bắc:

Vùng núi Đông Bắc	Vùng núi Tây Bắc
-------------------	------------------



Thiên nhiên mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa.	Thiên nhiên nhiệt đới gió mùa (Nam TB) Vùng ôn đới (Vùng núi cao TB)
+ Khác biệt giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên.	
Đông Trường Sơn	Tây Trường Sơn
- Mùa mưa vào thu đông. - Mùa hạ Khô nóng.	- Mùa mưa vào cuối hạ, đầu thu. - Mùa khô.

3. Thiên nhiên phân hoá theo độ cao:

a. Đại nhiệt đới gió mùa:

- Ở miền Bắc: Độ cao trung bình dưới 600-700m, miền Nam độ cao 900 - 1000m.
- Khí hậu nhiệt đới biểu hiện rõ rệt.
 - + Mùa hạ nóng: Nhiệt độ tháng > 25⁰C.
 - + Độ ẩm thay đổi tùy nơi.
- Thổ nhưỡng:
 - + Đất đồng bằng: chiếm 24% diện tích, đất phù sa, đất phèn, đất mặn, đất cát
 - + Đất vùng đồi núi thấp: 60% diện tích, chủ yếu đất feralít.
- Sinh vật:
 - + Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh, rừng có cấu trúc nhiều tầng, phần lớn là cây nhiệt đới xanh quanh năm, động vật nhiệt đới đa dạng và phong phú
 - + Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa: rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá và rừng thưa nhiệt đới khô...

b. Đại cận nhiệt đới gió mùa trên núi:

- Miền Bắc có độ cao từ 600 - 700m đến 2600m, miền Nam có độ cao từ 900 - 1000m đến độ cao 2600m.
- Khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25⁰C, mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng
 - + Từ 600 - 700 đến 1600 - 1700m: Khí hậu mát mẻ, độ ẩm tăng. Đất feralít có mùn, chua, tầng mỏng. Hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới lá rộng, lá kim. Động vật: chim, thú cận nhiệt đới phương Bắc.



+ Từ trên 1600 - 1700m: Khí hậu lạnh. Đất mùn. Rừng kém phát triển, đơn giản về thành phần loài. Xuất hiện các loại cây ôn đới, chim di cư thuộc khu hệ Himalaya.

c. Đại ôn đới gió mùa trên núi:

- Có độ cao từ 2600m trở lên (chỉ có ở Hoàng Liên Sơn).
- Khí hậu: Tính chất ôn đới, nhiệt độ < 15°C, mùa đông xuống dưới 5°C.
- Đất: Chủ yếu mùn thô.
- Thực vật: Ôn đới: đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam.

4. Các miền địa lí tự nhiên:

Tên miền	Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	Miền Tây Bắc Và Bắc Trung Bộ	Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
Phạm vi	Ranh giới phía Tây - Tây Nam của miền dọc theo hữu ngạn sông Hồng và rìa phía Tây - Tây Nam của đồng bằng Bắc Bộ.	- Từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.	Từ dãy Bạch Mã trở vào Nam.
Địa hình	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu là đồi núi thấp. hướng vòng cung, các thung lũng sông lớn với đồng bằng mở rộng - Nhiều núi đá vôi, địa hình bờ biển đa dạng: nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, quần đảo, thuận lợi phát triển kinh tế biển 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa hình cao nhất nước, núi cao, trung bình chiếm ưu thế. - Hướng Tây Bắc - Đông Nam, nhiều bề mặt sơn nguyên, cao nguyên, đồng bằng giữa núi -> thuận lợi cho phát triển chăn nuôi gia súc, trồng cây công nghiệp... - Đồng bằng thu nhỏ, chuyển tiếp từ đồng bằng châu thổ 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu là cao nguyên badan , sơn nguyên bóc mòn - Hướng vòng cung: sườn Đông dốc mạnh, sườn Tây thoải. - Đồng bằng Nam Bộ thấp, phẳng và mở rộng, đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ nhỏ hẹp. - Địa hình bờ biển khúc khuỷu, có nhiều vịnh biển sâu được che



		<p>sang đồng bằng ven biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ven biển có nhiều cồn cát, đầm phá, bãi tắm đẹp 	<p>chắn bởi các đảo ven bờ</p>
Khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Giàu khoáng sản: than, sắt, dầu khí,... ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Đất hiếm, sắt, crôm, titan,.. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dầu khí ở thềm lục địa, bôxít ở TNguyên.
Khí hậu	<ul style="list-style-type: none"> - Mùa đông lạnh, ít mưa. Mùa hạ nóng, mưa nhiều - Nhịp điệu mùa khí hậu thất thường, Có nhiều biến động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng của Gió mùa Đông Bắc giảm sút làm cho tính chất nhiệt đới tăng dần (so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ) - Gió Phơn Tây Nam hoạt động mạnh, bão lũ, hạn hán... 	<ul style="list-style-type: none"> - Cận xích đạo gió mùa: nền nhiệt cao, biên độ nhiệt độ năm nhỏ. Có 2 mùa mưa và mùa khô. - Mùa mưa ngập lụt trên diện rộng ở đồng bằng Nam Bộ - Mùa khô thiếu nước nghiêm trọng
Sông ngòi	<ul style="list-style-type: none"> - Dày đặc chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và vòng cung 	<ul style="list-style-type: none"> - Có độ dốc lớn, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam (Bắc Trung Bộ: hướng Tây - Đông). 	<ul style="list-style-type: none"> - Ở NTB: ngắn, dốc - Ở NB: dày đặc. - 2 hệ thống sông 9: Đồng Nai, Cửu Long.
Sinh vật	<p>Nhiều loài thực vật phương Bắc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có cả thực vật phương Bắc và phương Nam -Rừng còn nhiều ở vùng núi Nghệ An, Hà Tĩnh (chỉ sau Tây Nguyên) 	<ul style="list-style-type: none"> - Rừng ngập mặn phát triển - Cây nhiệt đới, thú lớn, động vật đầm lầy, nhiều tôm cá...



Thổ nhưỡng.	- Đai cận nhiệt đới hạ thấp.	- Có đủ 3 hệ thống đai cao. -	- Nhiệt đới, cận xích đạo. - Đất đai dễ bị xói mòn, rửa trôi ở vùng đồi núi
--------------------	------------------------------	----------------------------------	--

BÀI 14. SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên sinh vật:

a. Tài nguyên rừng:

* Hiện trạng:

- Diện tích rừng tăng nhưng tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái vì chất lượng rừng chưa thể phục hồi

+ Năm 1943: 70% diện tích rừng là rừng giàu.

+ Nay: 70% diện tích rừng là rừng nghèo và mới phục hồi.

* Biến động tài nguyên rừng:

- Về số lượng:

+ Tổng diện tích rừng giảm từ 14,3 triệu ha năm 1943 còn 7,2 triệu ha năm 1983, sau đó tăng lên 12,7 triệu ha năm 2005.

+ Diện tích rừng tự nhiên giảm từ 14,3 triệu ha năm 1943 còn 8,4 triệu ha năm 1990 sau đó tăng lên 10,2 triệu ha năm 2005.

+ Diện tích rừng trồng tăng 0,1 triệu ha năm 1975 lên 2,5 triệu ha năm 2005.

+ Tỷ lệ che phủ rừng giảm từ 43,0% năm 1943 còn 22,0% năm 1983 sau đó tăng lên 38,0% năm 2005.

- Về chất lượng rừng:

+ Mặc dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi nhưng chất lượng rừng vẫn bị suy thoái bởi vì diện tích rừng tăng, nhưng chủ yếu là rừng non mới phục hồi.

* Nguyên nhân: Khai thác rừng bừa bãi, nguyên nhân tự nhiên: Cháy rừng, sạt lở đất, lở núi...; nạn Du canh du cư, hậu quả chiến tranh.

* Biện pháp bảo vệ:



- Nâng cao độ che phủ rừng từ 40 -> 45 - 50% (Vùng núi: 70 - 80%).

- Thực hiện các biện pháp quy hoạch và bảo vệ phát triển các loại rừng:

+ Đối với rừng phòng hộ: Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có, trồng cây gây rừng trên đất trống đồi trọc.

+ Đối với rừng đặc dụng: Bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh học của các vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên và khu bảo tồn.

+ Đối với rừng sản xuất: Đảm bảo duy trì, phát triển diện tích và chất lượng rừng, phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng rừng.

- Triển khai luật bảo vệ phát triển rừng. Tuyên truyền, đẩy mạnh phát triển kinh tế miền núi, giao đất giao rừng...

- Nhiệm vụ trước mắt là thực hiện chiến lược trồng 5 triệu ha rừng đến năm 2010 nhằm đáp ứng yêu cầu phủ xanh dc 43% diện tích và phục hồi cân bằng môi trường sinh thái Việt Nam

* Ý nghĩa của bảo vệ tài nguyên rừng :

- Về kinh tế: Khai thác gỗ và lâm sản phục vụ cho các ngành kinh tế, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp sản xuất đồ gỗ, giấy, diêm, hóa chất nhẹ, xuất khẩu,...

- Về môi trường: Bảo vệ đất, chống xói mòn, cân bằng sinh thái, bảo vệ mực nước ngầm,...

b. Đa dạng sinh học:

* Sự đa dạng sinh học ở nước ta:

- Sinh vật tự nhiên nước ta có tính đa dạng cao (thể hiện ở số lượng và thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và nguồn gen quý hiếm) nhưng đang bị suy giảm

- Sự suy giảm tính đa dạng sinh học:

+ Trong 14.500 loài thực vật có 500 loài bị mất dần, trong đó có 100 loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

+ Trong 300 loài thú có 96 loài bị mất dần, trong đó có 62 loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

+ Trong 830 loài chim có 57 loài bị mất dần, trong đó có 29 loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

+ Trong 400 loài bò sát lưỡng cư có 62 loài mất dần.

- Nguyên nhân:



- Tác động của con người làm thu hẹp diện tích rừng, đồng thời còn làm nghèo tính đa dạng của các kiểu sinh thái.

- Hậu quả của việc khai thác quá mức.

- Ô nhiễm môi trường nước, nhất là vùng ven sông, cửa biển dẫn đến nguồn tài nguyên dưới nước, đặc biệt là nguồn hải sản nước ta bị giảm sút rõ rệt.

* Biện pháp bảo vệ:

- Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên:

+ Năm 1986 có 87 khu bảo tồn thiên nhiên với 7 vườn quốc gia.

+ Năm 1998 có 94 khu bảo tồn thiên nhiên với 12 vườn quốc gia, 18 khu bảo vệ môi trường - văn hóa - lịch sử.

+ Đến năm 2007 đã có 30 vườn quốc gia được thành lập.

- Ban hành sách đỏ Việt Nam để bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng

- Quy định việc khai thác về gỗ, động vật, thủy sản như cấm khai thác gỗ quý, cấm săn bắt động vật trái phép, cấm dùng chất nổ đánh bắt cá...

2. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất

a. Suy thoái tài nguyên đất:

* Hiện trạng sử dụng tài nguyên đất

- Năm 2005, nước ta có khoảng 12,5 triệu ha đất có rừng, 9,4 triệu ha đất sử dụng trong nông nghiệp, bình quân đất nông nghiệp trên đầu người khoảng hơn 0,1ha.

Trong số 5,35 triệu ha đất chưa sử dụng chỉ có khoảng 350 nghìn ha đất bằng, còn lại 5 triệu ha đất đồi núi đang bị thoái hóa => khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng không nhiều

- Hiện nay diện tích đất hoang đồi trọc giảm mạnh nhưng diện tích đất bị suy thoái còn rất lớn (9,3 triệu ha đất đang bị đe dọa hoang mạc hóa).

b. Biện pháp bảo vệ:

* Vùng đồi núi:

- Để hạn chế xói mòn trên đất dốc phải áp dụng tổng hợp các biện pháp thủy lợi, canh tác như làm ruộng bậc thang, đào hồ vẫy cá...

- Cải tạo đất hoang đồi núi trọc bằng các biện pháp nông lâm kết hợp



- Tổ chức định canh, định cư. Đẩy mạnh bảo vệ rừng.

* Vùng đồng bằng:

- Quản lý chặt chẽ, có kế hoạch mở rộng diện tích đất nông nghiệp sử dụng vốn đất hợp lý.

- Thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, canh tác, cải tạo đất hợp lý.

- Phòng chống ô nhiễm đất.

3. Sử dụng và bảo vệ các tài nguyên khác

- Tài nguyên nước: tình trạng ngập lụt vào mùa mưa, thiếu nước vào mùa khô và ô nhiễm môi trường nước là hai vấn đề quan trọng nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước hiện nay. Do vậy cần sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, đảm bảo cân bằng nước và phòng chống ô nhiễm nước

- Tài nguyên khoáng sản: Quản lý chặt chẽ việc khai thác tránh lãng phí tài nguyên và ô nhiễm môi trường

- Tài nguyên du lịch: Cần bảo tồn, tôn tạo giá trị tài nguyên du lịch và bảo vệ cảnh quan du lịch khỏi bị ô nhiễm, phát triển du lịch sinh thái

- Khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững các nguồn tài nguyên khác như tài nguyên khí hậu, tài nguyên biển...

BÀI 15. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Bảo vệ môi trường

Có 2 vấn đề quan trọng nhất trong bảo vệ môi trường ở nước ta là:

- Tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường: biểu hiện ở sự gia tăng các thiên tai bão, lụt, hạn hán và sự biến đổi thất thường về thời tiết, khí hậu

- Trình trạng ô nhiễm môi trường : nước, không khí và đất đã trở thành vấn đề nghiêm trọng ở các thành phố lớn, các khu công nghiệp, các khu dân cư và một số vùng cửa sông ven biển. Ở nhiều nơi, nồng độ các chất gây ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần

Bảo vệ tài nguyên và môi trường bao gồm việc sử dụng tài nguyên hợp lý lâu bền và đảm bảo chất lượng môi trường sống cho con người

2. Một số thiên tai chủ yếu và biện pháp phòng chống

a. Bão

* Hoạt động của bão ở Việt Nam



- Nhìn chung, trên toàn quốc, mùa bão bắt đầu từ tháng VI và kết thúc tháng XI, đôi khi có bão sớm vào tháng V và muộn sang tháng XII, nhưng cường độ yếu.

- Bão tập trung nhiều nhất tháng IX, sau đó là tháng X và Tháng VIII. Tổng số cơn bão của 3 tháng này chiếm 70% số cơn bão toàn mùa

- Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam

- Trung bình mỗi năm có 3-4 cơn bão đổ bộ vào vùng biển nước ta, năm nhiều có 8-10 cơn, năm ít có 1-2 cơn.

- Số cơn bão ảnh hưởng đến thời tiết nước ta còn nhiều hơn nữa, trung bình 45 năm trở lại đây mỗi năm có 8,8 cơn bão

* Hậu quả của bão và biện pháp phòng chống

- Bão thường có gió mạnh và mưa lớn. Lượng mưa trong bão đạt 300-400mm; trên biển bão gây sóng to dâng cao 9-10 m, có thể lật úp tàu thuyền. Gió bão làm mực nước biển dâng cao 1,5-2m gây ngập mặn vùng ven biển.

- Nước dâng tràn đê kết hợp nước lũ do mưa lớn trên nguồn dồn về gât ngập lụt diện rộng.

- Bão lớn, gió giật mạnh tàn phá cả những công trình vững chắc như nhà cửa, công sở, cầu cống, cột điện cao thế...

- Bão gây tác hại rất lớn cho sản xuất và đời sống nhân dân, nhất là vùng ven biển

- Các biện pháp phòng chống bão:

+ dự báo chính xác quá trình hình thành, hướng di chuyển, tốc độ, phạm vi và sức ảnh hưởng của bão.

+ Khi có bão, tàu thuyền nhanh chóng tìm nơi tránh, trú ẩn.

+ Củng cố công trình đê biển

+ Sơ tán dân

+ Kết hợp chống lụt úng ở đồng bằng, chống lũ, xói mòn ở miền núi

b. Ngập lụt

- Hiện nay vùng chịu lụt úng nghiêm trọng nhất là vùng châu thổ sông Hồng do diện mưa bão rộng, lũ tập trung trong các hệ thống sông lớn, mặt đất thấp, xung quanh lại có đê sông, đê biển bao bọc nên khó thoát nước, mật độ xây dựng cao



- Ngập lụt ở ĐBCL không chỉ do mưa lớn mà còn do triều cường, vì vậy cần tính đến các công trình thoát nước và ngăn thủy triều

- Ngập lụt gây hậu quả nghiêm trọng cho vụ hè thu ở hai đồng bằng trên.

- Trung bộ: nhiều vùng trũng, đồng bằng hạ lưu sông cũng chịu ngập lụt vào tháng IX-X do mưa bão lớn, nước dâng và lũ nguồn về

c. Lũ quét

- Lũ quét xảy ra ở những lưu vực sông, suối có địa hình chia cắt mạnh, có độ dốc lớn, mất lớp phủ thực vật, bề mặt đất dễ bị bóc mòn khi có mưa xuống.

- Mưa gây ra lũ quét có cường độ rất lớn, lượng mưa tới 100-200mm trong vài giờ.

- Lũ quét là thiên tai bất thường gây hậu quả nghiêm trọng, xu hướng xảy ra lũ quét ngày càng tăng

- Miền Bắc: lũ quét thường xảy ra vào các tháng VI-X, tập trung ở vùng núi phía Bắc.

- Miền Trung: lũ quét thường xảy ra vào các tháng X-XII

* Biện pháp phòng chống:

- Quy hoạch các điểm dân cư tránh các vùng có thể xảy ra lũ quét nguy hiểm, quản lý sử dụng đất hợp lý

- Thực hiện các biện pháp thủy lợi, trồng rừng, kỹ thuật canh tác nông nghiệp trên đất dốc nhằm hạn chế dòng chảy mặt và xói mòn đất

d. Hạn hán

- Miền Bắc: hạn hán xảy ra ở các thung lũng khuất gió như Yên Châu, Sông Mã (Sơn La), Lục Ngạn (Bắc Giang) mùa khô kéo dài 3-4 tháng

- Miền Nam khắc nghiệt hơn: khô hạn kéo dài 4-5 tháng ở đồng bằng Nam Bộ và vùng thấp Tây Nguyên

- Cực Nam Trung bộ khô hạn tới 6-7 tháng

- Hằng năm, hạn hán và cháy rừng gây thiệt hại nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn tới sinh hoạt và đời sống nhân dân.

- Để phòng chống khô hạn lâu dài phải giải quyết bằng xây dựng các công trình thủy lợi hợp lý.

đ. Các thiên tai khác



- Động đất: Tây Bắc là khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất, rồi đến Đông Bắc. Khu vực miền Trung ít động đất hơn, miền Nam động đất rất yếu. Tại vùng biển, động đất tập trung ở ven biển Nam Trung Bộ

- Động đất vẫn là thiên tai bất thường và rất khó phòng tránh

- các loại thiên tai khác như lốc, mưa đá, sương muối mang tính cục bộ địa phương, xảy ra thường xuyên và cũng gây tác hại lớn đến đời sống và sản xuất.

3. Chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường

Chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường đảm bảo sự bảo vệ đi đôi với phát triển bền vững

- Các nhiệm vụ chiến lược đề ra là:

- Duy trì các hệ sinh thái, các quá trình sinh thái chủ yếu và các hệ thống sống có ý nghĩa quyết định đến đời sống con người.

- Đảm bảo sự giàu có của đất nước về vốn gen và các loài nuôi trồng cũng như các loài hoang dại, có liên quan đến lợi ích lâu dài của nhân dân Việt Nam và của nhân loại.

- Đảm bảo việc sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên tự nhiên, điều khiển việc sử dụng trong giới hạn có thể phục hồi được.

- Đảm bảo chất lượng môi trường phù hợp với yêu cầu đời sống của con người.

- Phấn đấu đạt tới trạng thái ổn định dân số ở mức cân bằng với khả năng sử dụng hợp lí tài nguyên.

B. Bài Tập

Câu 1: Trình bày vị trí địa lí của Việt Nam?

- Nằm ở rìa Đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- Hệ toạ độ địa lý trên đất liền:
 - Cực Bắc: 23°23'B tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.
 - Cực nam: 8°34'B tại xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.
 - Cực Tây: 102°09'Đ tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.
 - Cực Đông: 109°24'Đ tại xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
- Hệ toạ độ địa lý trên biển:
 - Vĩ độ: kéo dài đến 6050'B



- Kinh độ: 101°Đ – 117°20'Đ tại biển Đông.
- Việt Nam gắn liền với lục địa Á – Âu, vừa tiếp giáp với biển Đông và thông ra Thái Bình Dương.
- Đại bộ phận lãnh thổ nằm trong khu vực múi giờ thứ 7.

Câu 2: Trình bày phạm vi lãnh thổ của Việt Nam?

Vùng đất:

- Diện tích đất liền và các hải đảo 331 212 km².
- Đường biên giới dài 4600 km tiếp giáp:
 - Bắc: Trung Quốc dài 1400km
 - Tây: Lào dài 2100km
 - Tây Nam: Campuchia dài 1100km

Đường bờ biển cong hình chữ S dài 3260 km chạy từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang) và có 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương giáp biển.

Nước ta có 4000 đảo lớn nhỏ phần lớn là đảo ven bờ và 2 quần đảo xa bờ: Trường Sa (Khánh Hoà), Hoàng Sa (Đà Nẵng).

Vùng biển: tiếp giáp với vùng biển các nước Trung Quốc, Campuchia, Philippin, Malaixia, Brunây, Ấnônêxia, Singapo, Thái Lan và có diện tích khoảng 1 triệu km² ở biển Đông bao gồm:

- Nội thủy
- Lãnh hải
- Vùng tiếp giáp lãnh hải
- Vùng đặc quyền về kinh tế
- Thềm lục địa

Vùng trời là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta:

- Trên đất liền xác định bằng các đường biên giới.
- Trên biển là ranh giới bên ngoài các lãnh hải và không gian các đảo.

Câu 3: Trình bày ý nghĩa vị trí địa lí Việt Nam.

Về tự nhiên:

- Nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới và chịu ảnh hưởng của khu vực gió mùa châu Á làm cho thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.



- Nằm ở nơi gặp gỡ của nhiều luồng di lưu và di cư động thực vật tạo nên tài nguyên sinh vật vô cùng phong phú.
- Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa - đại dương, liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải nên có nhiều tài nguyên khoáng sản.
- Vị trí và hình thể nước ta tạo nên sự phân hoá đa dạng của tự nhiên: Bắc – Nam, miền núi - đồng bằng...
- Nằm trong vùng có nhiều thiên tai: bão, lũ lụt, hạn hán...

Về kinh tế, văn hóa xã hội và quốc phòng:

- Có nhiều thuận lợi để phát triển cả về giao thông hàng hải, hàng không, đường bộ với các nước trên thế giới. Tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới.
- Về văn hóa- xã hội: nằm ở nơi giao thoa các nền văn hóa nên có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa. Đây cũng là thuận lợi cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước láng giềng và các nước trong khu vực Đông Nam Á.
- Về chính trị quốc phòng: vị trí quân sự đặc biệt quan trọng của vùng Đông Nam Á, một khu vực kinh tế năng động và nhạy cảm với những biến động chính trị. Biển Đông có ý nghĩa chiến lược trong công cuộc phát triển và bảo vệ đất nước.

Câu 4: Trình bày đặc điểm chung của địa hình Việt Nam?

Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp

- Đồi núi chiếm 3/4 diện tích cả nước, đồng bằng chiếm 1/4 diện tích cả nước.
- Đồi núi thấp và đồng bằng chiếm 85% diện tích, núi cao chiếm khoảng 1% diện tích cả nước.

Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng:

- Địa hình được trẻ hóa và có tính phân biệt rõ rệt.
- Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

Địa hình gồm 2 hướng chính:

- Hướng Tây Bắc - Đông Nam: dãy núi vùng Tây Bắc, Bắc Trường Sơn.
- Hướng vòng cung: các dãy núi vùng Đông Bắc, Nam Trường Sơn.

Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa: lớp vỏ phong hoá dày, quá trình xâm thực và bồi tụ diễn ra mạnh mẽ.

Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.



Câu 5: Trình bày đặc điểm của khu vực đồi núi và địa hình bán bình nguyên và đồi trung du?

Địa hình đồi núi chia làm 4 vùng:

Đông Bắc:

- Nằm ở tả ngạn sông Hồng với 4 cánh cung lớn: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều chụm đầu ở Tam Đảo, mở về phía bắc và phía đông.
- Địa hình: núi thấp chủ yếu, theo hướng vòng cung, cùng với sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam.
- Thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam (núi cao trên 2000 m ở Thượng nguồn sông Chảy, các khối núi đá vôi cao đồ sộ ở Hà Giang, Cao Bằng, trung tâm là đồi núi thấp cao trung bình 500-600 m).

Tây Bắc:

- Giữa sông Hồng và sông Cả, địa hình cao nhất nước ta, hướng núi chính là Tây Bắc-Đông Nam.
- Phía Đông là núi cao đồ sộ Hoàng Liên Sơn, phía Tây là núi trung bình dọc biên giới Việt-Lào, ở giữa là các dãy núi xen các sơn nguyên, cao nguyên đá vôi và các thung lũng sông.

Trường Sơn Bắc:

- Giới hạn: Nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.
- Hướng núi là hướng Tây Bắc - Đông Nam, gồm các dãy núi so le, song song.
- Địa hình: thấp, hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu: Cao ở 2 đầu (phía Bắc là vùng núi Tây Nghệ An và phía Nam là vùng núi Tây Thừa Thiên-Huế), ở giữa thấp trũng (vùng đá vôi Quảng Bình và đồi núi thấp Quảng Trị). Mạch cuối cùng là dãy Bạch Mã, ranh giới với vùng núi Trường Sơn Nam.

Trường Sơn Nam:

- Giới hạn: tiếp giáp dãy núi Bạch Mã tới bán bình nguyên ở Đông Nam Bộ.
- Địa hình: Gồm các khối núi, cao nguyên ba dan.
- Những đỉnh cao trên 2000 m nghiêng dần về phía Đông, tạo nên thế chên vênh bên dải đồng bằng hẹp ven biển.
- Phía Tây là các cao nguyên tương đối bằng phẳng, xen lẫn các bán bình nguyên tạo nên sự bất đối xứng giữa 2 sườn Đông-Tây của địa hình Trường Sơn Nam

Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng:

- Bán bình nguyên ở Đông Nam Bộ với bậc thềm phù sa cổ cao khoảng 100m, bề mặt phủ bao dãn cao khoảng 200m.



- Dải đồi trung du ở rìa phía Bắc và phía Tây đồng bằng sông Hồng và thu hẹp lại ở rìa đồng bằng ven biển miền Trung.

Câu 6: Trình bày đặc điểm khu vực đồng bằng?

- Đồng bằng chiếm ¼ diện tích lãnh thổ gồm 2 loại: đồng bằng châu thổ sông và đồng bằng ven biển:
- + Đồng bằng châu thổ sông đều được thành tạo và phát triển do phù Sa sông bồi tụ dần trên vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.

Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long
- Bồi tụ phù sa của hệ thống <u>sông Hồng và sông Thái Bình</u>	- Bồi tụ phù sa của hệ thống <u>sông Tiền và sông Hậu</u>
- Diện tích: <u>15 nghìn km²</u>	- Diện tích: <u>40 nghìn km²</u>
- Địa hình: <u>cao ở rìa phía Tây và Tây Bắc, thấp dần ra biển. Bề mặt bị chia cắt thành nhiều ô</u>	- Địa hình: <u>thấp và bằng phẳng hơn</u>
- <u>Có đê ngăn lũ</u> nên chỉ có vùng ngoài đê được bồi phù sa còn vùng trong đê gồm các khu ruộng cao bạc màu và các ọ trũng ngập nước	- <u>Không có đê ngăn lũ</u> nhưng <u>mang lưới sông ngòi chằng chịt. Mùa lũ nước ngập trên diện rộng. Mùa khô 2/3 diện tích bị nhiễm mặn, phèn.</u> Vùng trũng lớn: Đồng Tháp 10, Tứ giác Long Xuyên . . .

+ Đồng bằng ven biển:

- Diện tích: 15.000 km².
- Biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành nên đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
- Địa hình: Hẹp ngang và bị chia cắt thành từng ô nhỏ
- Phần giáp biển có cồn cát và đầm phá, tiếp theo là đất thấp trũng, trong cùng đã bồi tụ thành đồng bằng.

Câu 7: Trình bày các thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của khu vực đồi núi đối với phát triển kinh tế

- xã hội?

- Thế mạnh:

- **Khoáng sản:** đa dạng (đồng, chì, thiếc, sắt, crôm, bô xít, apatit, than đá . . .). ẻ là nguyên nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp phát triển.



- **Rừng và đất trồng:** tạo cơ sở để phát triển nền lâm – nông nghiệp nhiệt đới, giàu có về động - thực vật, trong đó nhiều loài quý hiếm.
- **Nguồn thủy năng:** Sông ngắn và dốc nên có tiềm năng thủy điện lớn.
- **Tiềm năng du lịch** nhất là du lịch sinh thái.

- Hạn chế:

- Địa hình chia cắt mạnh, nhiều hẻm vực, sông suối, sườn dốc gây trở ngại cho giao thông, khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế giữa các vùng.
- Nhiều thiên tai: lũ nguồn, lũ quét, xói mòn, mưa đá, rét hại, sương muối . . .

Câu 8: Trình bày các thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của khu vực đồng bằng đối với phát triển kinh tế - xã hội?

- Thế mạnh:

- Cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng các loại nông sản (nông sản chính là gạo).
- Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như: thủy sản, khoáng sản, lâm sản.
- Là nơi có điều kiện tập trung các thành phố, khu công nghiệp và các trung tâm thương mại.
- Phát triển giao thông vận tải đường bộ, đường sông.

- Hạn chế: thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán ... thường xảy ra, gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

- ĐBSH vùng trong đê phù sa không được bồi đắp dẫn đến đất bạc màu và tạo thành các ô trũng ngập nước.
- ĐBSCL do địa hình thấp nên thường ngập lụt, chịu tác động mạnh mẽ của sóng biển và thủy triều, dẫn tới diện tích đất ngập mặn, nhiễm phèn lớn.
- Đồng bằng ven biển miền Trung thì quá nhỏ hẹp, bị chia cắt, nghèo dinh dưỡng.





Vững vàng nền tảng, Khai sáng tương lai

Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường **PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An** và các trường Chuyên khác cùng **TS.Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn.**

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học** và **Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: **TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn** cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.